CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2025

CTCP Dược phẩm Tipharco

Ngày 31/03/2025	20,100 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-9.0%	**-9.5%**	**-**

DT thuần
Q1/25
58.3
tỷ VNĐ
QoQ: ▼89.7| -60.6%
YoY: ▼8.40| -12.6%

LN thuần
Q1/25
0.39
tỷ VNĐ
QoQ: ▼12.8| -97.1%
YoY: ▼4.67| -92.4%

LN sau thuế
Q1/25
0.35
tỷ VNĐ
QoQ: ▼9.75| -96.6%
YoY: ▼3.96| -91.9%

Tỷ suất lãi EBIT
Q1/25
3.1%
YoY: +/-▼ 7.1%

ROE (TTM)
Q1/25
10.7%
YoY: +/-▼ 2.5%

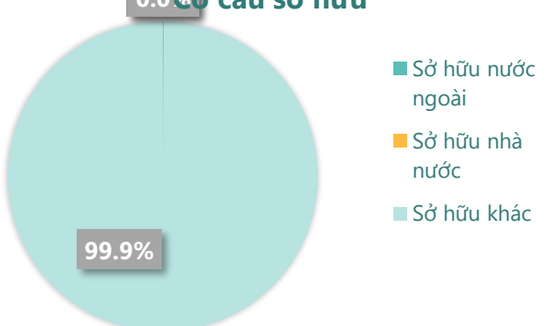
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	20,100 - 37,213
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	168
Số lượng CPLH (CP)	8,352,573
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,925
Sở hữu nước ngoài	0.1%
Beta	0.11
EPS	2,289
P/E	8.8

DT thuần
2024
364
tỷ VNĐ
YoY: ▼9.00| -2.3%

LN thuần
2024
28.6
tỷ VNĐ
YoY: ▼8.40| -22.8%

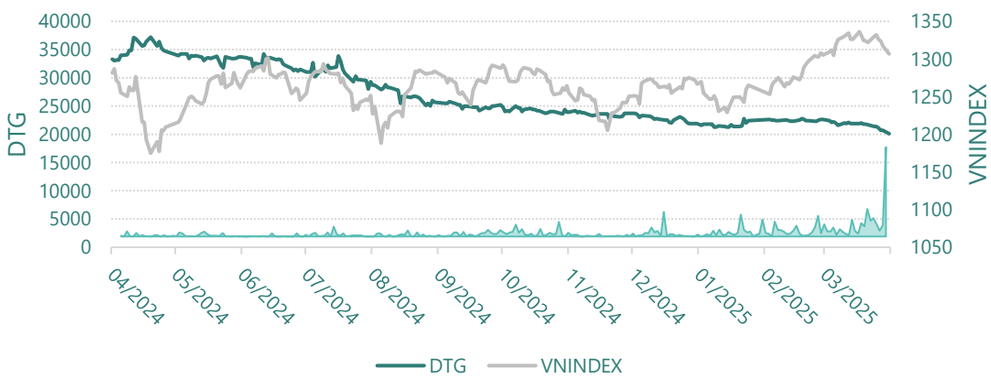
LN sau thuế
2024
23.1
tỷ VNĐ
YoY: ▼7.50| -24.5%

Cơ cấu sở hữu

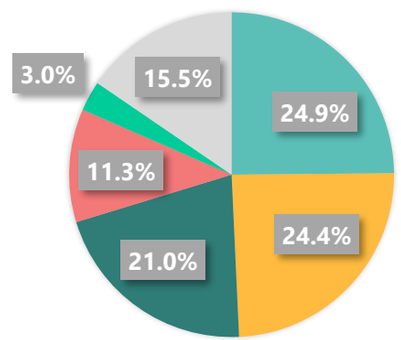


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

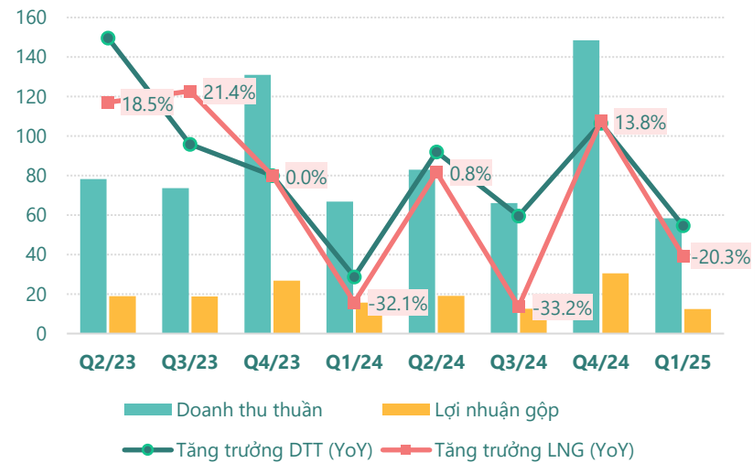


- Nguyễn Hồ Nam
- Đặng Thị Thu Hằng (Thành viên HĐQT)
- CTCP Tập đoàn Bamboo Capital
- Nguyễn Phương Hoa
- CTCP Magnolia Investment
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

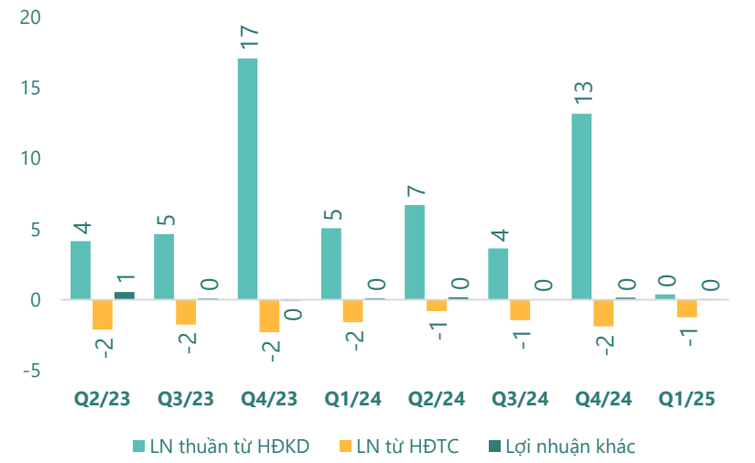
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



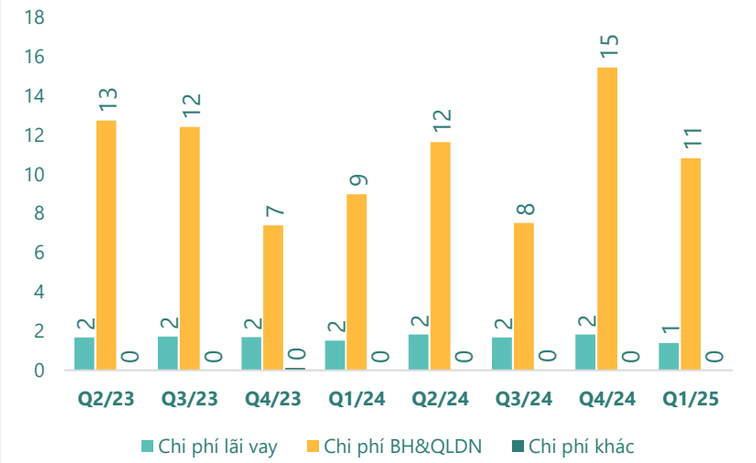
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



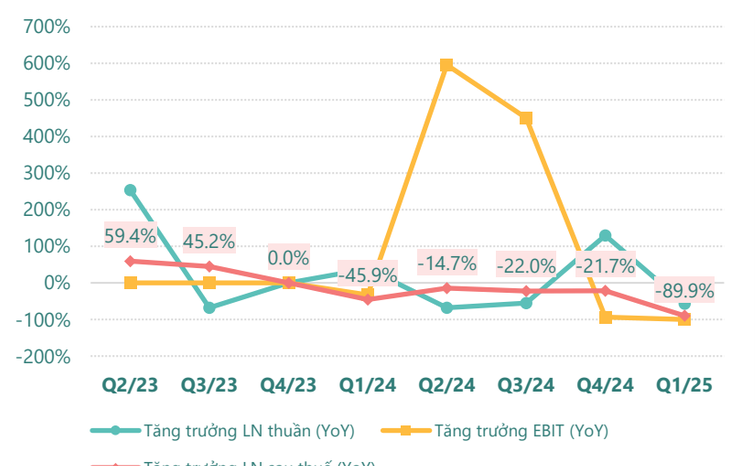
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



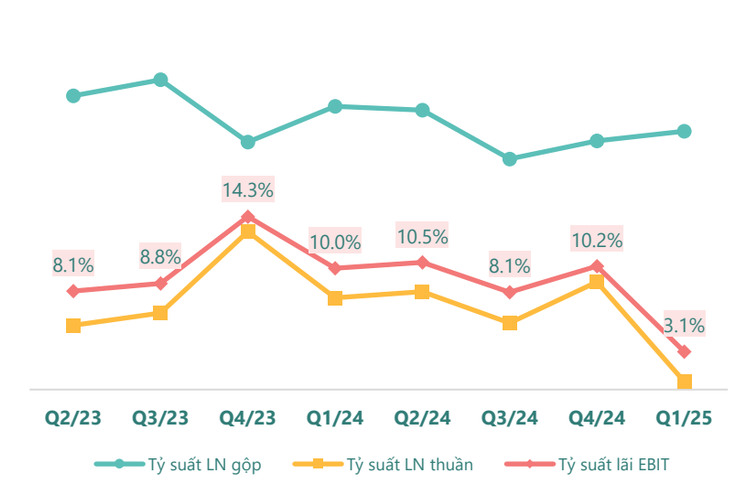
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



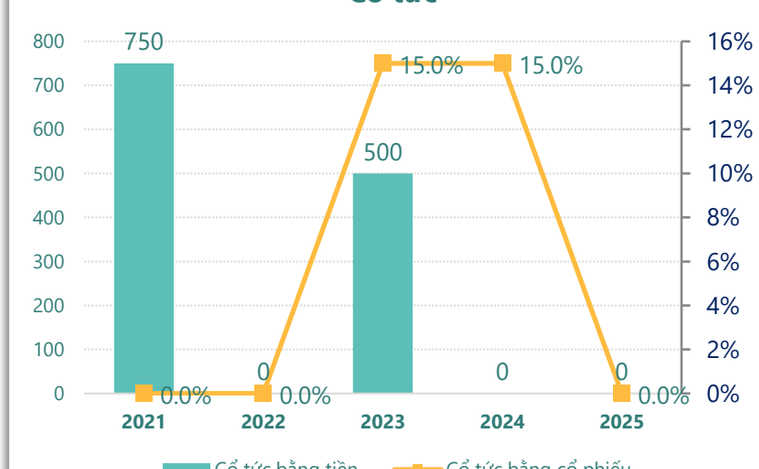
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

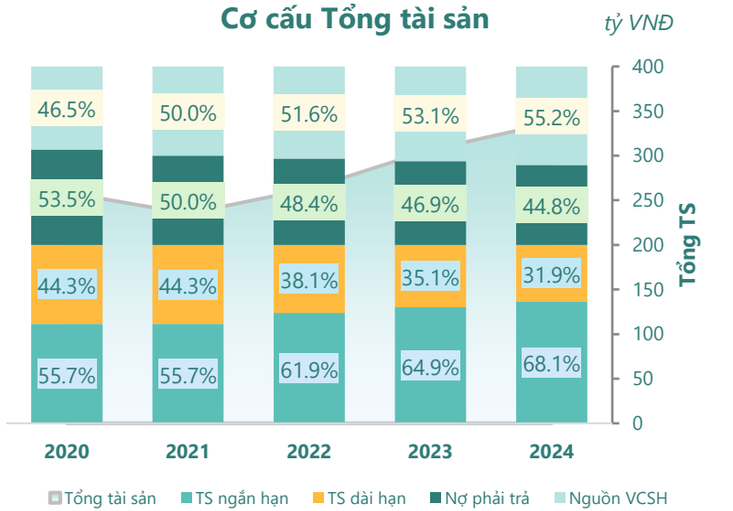
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

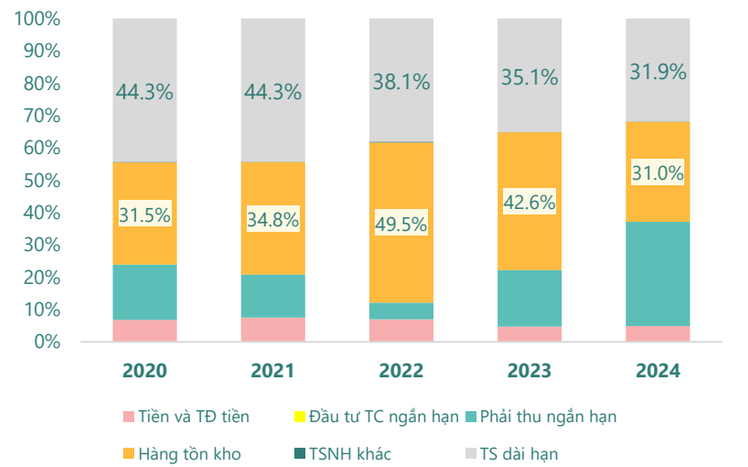
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



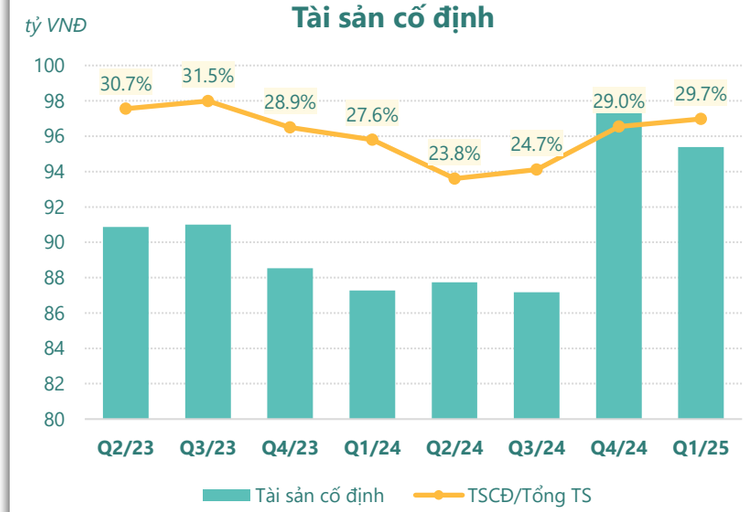
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



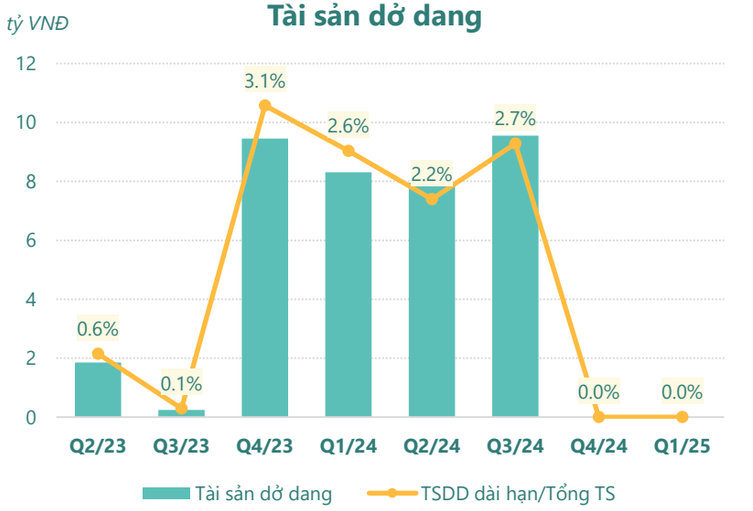
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



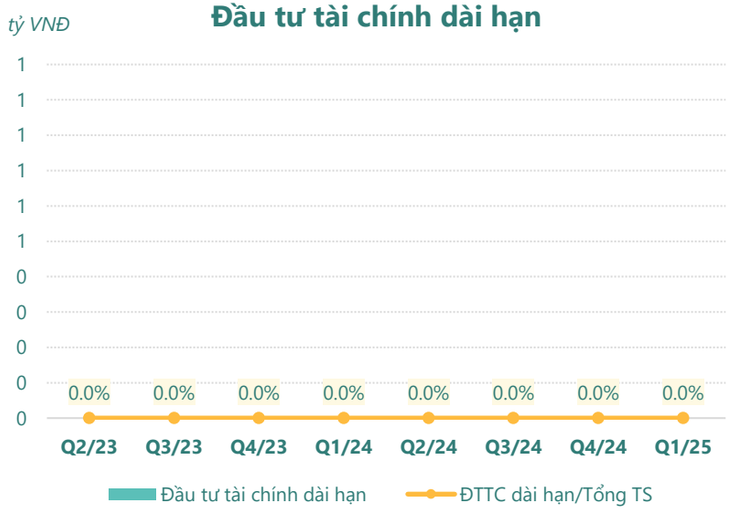
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



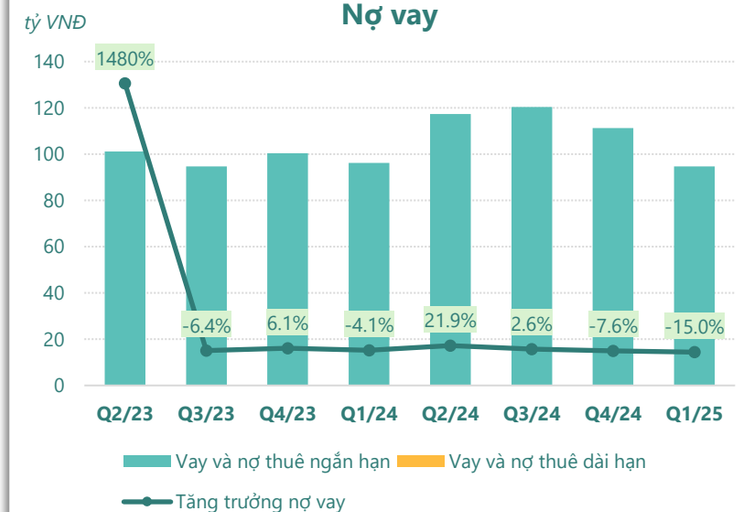
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

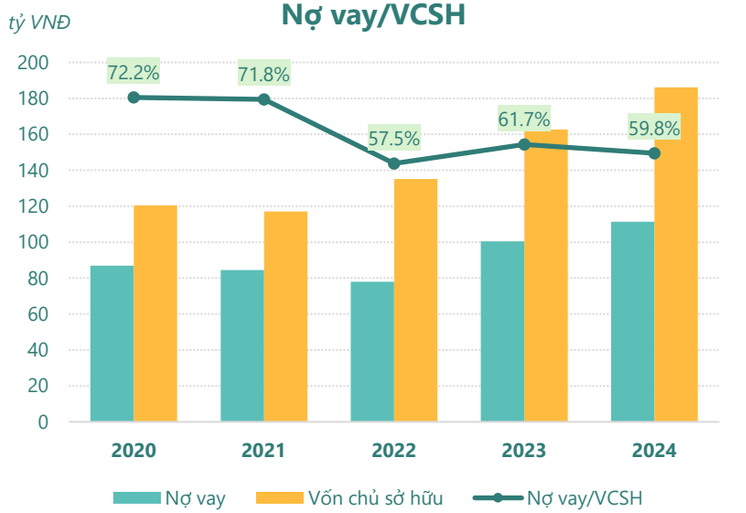
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

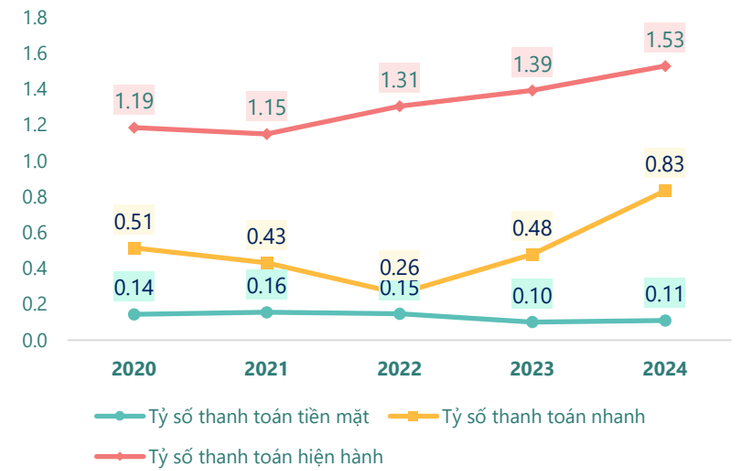
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



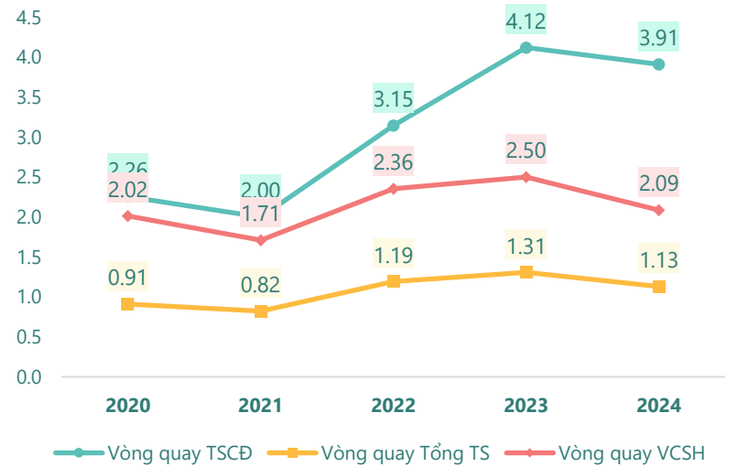
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



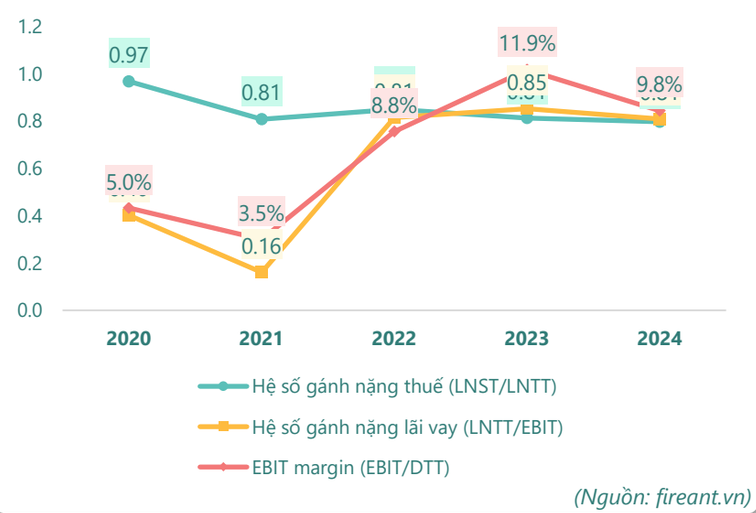
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



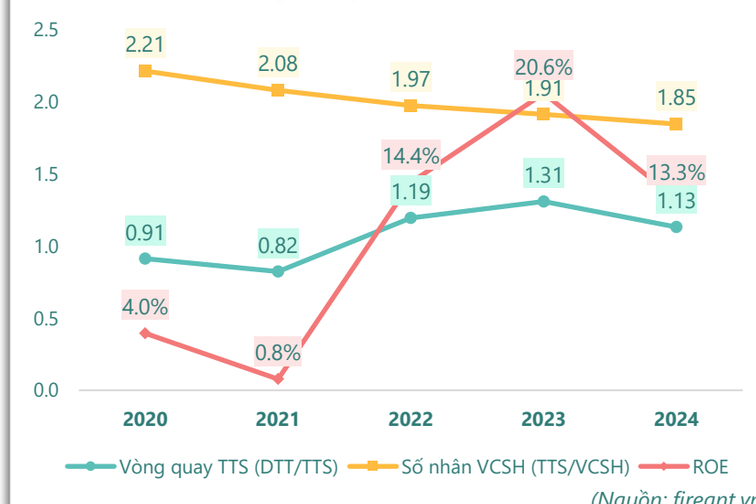
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



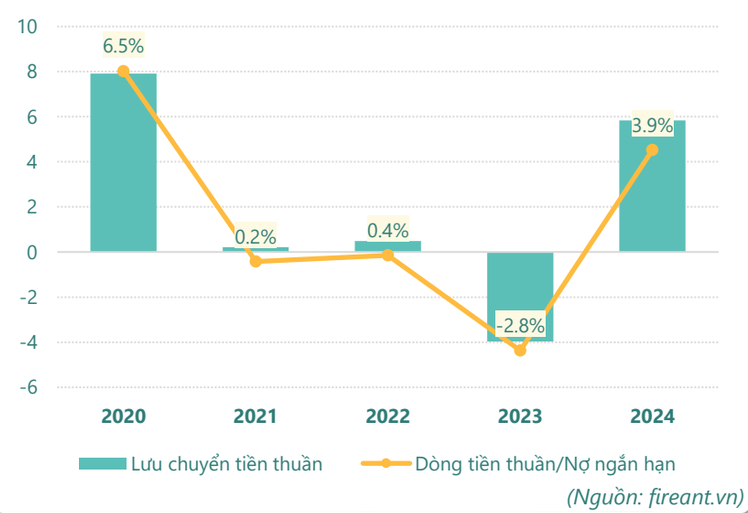
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q1/25	Q1/24	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**58.3**	**66.7**	**-12.6%**	**364**	**373**	**-2.3%**
Giá vốn hàng bán	45.8	51.1	-10.3%	286	285	0.5%
Lợi nhuận gộp	12.5	15.6	-20.2%	77.9	87.7	-11.1%
Doanh thu HĐTC	0.15	0.01	1351%	0.31	0.09	252%
Chi phí TC	1.39	1.59	-12.3%	6.03	8.01	-24.7%
Chi phí lãi vay	1.39	1.51	-7.7%	6.83	6.53	4.6%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	2.53	2.74	-7.6%	12.3	14.2	-12.9%
Chi phí QLDN	**8.29**	**6.24**	**32.8%**	**31.2**	**28.5**	**9.5%**
LN thuần từ HĐKD	0.39	5.06	-92.4%	28.6	37.0	-22.8%
Lợi nhuận khác	**0.05**	**0.11**	**-55.7%**	**0.44**	**0.65**	**-31.8%**
LN trước thuế	0.44	5.18	-91.6%	29.0	37.7	-23.0%
Lợi nhuận sau thuế	**0.35**	**4.31**	**-91.9%**	**23.1**	**30.6**	**-24.5%**
LNST của CĐ cty mẹ	**0.35**	**4.37**	**-92.0%**	**23.1**	**30.6**	**-24.5%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-9.21	18.3	-30.4	-2.89	23.7	17.0
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-5.57	-11.8	2.85	-1.61	-3.15	-0.05
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	5.74	-0.66	17.5	3.11	-9.11	-16.7
Tiền đầu kỳ	23.4	14.4	20.3	6.37	4.97	16.4
Lưu chuyển tiền thuần	**-9.05**	**5.89**	**-10.0**	**-1.40**	**11.4**	**0.32**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.01	0	0	0	-0.01	0
Tiền cuối kỳ	14.4	20.3	6.37	4.97	16.4	16.7

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**321**	**337**	**-4.7%**
Tài sản ngắn hạn	216	230	-5.8%
Tiền và tương đương tiền	16.7	16.4	1.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	83.9	109	-22.6%
Hàng tồn kho	115	104	9.8%
Tài sản ngắn hạn khác	0.77	0.18	317%
Tài sản dài hạn	**105**	**107**	**-2.2%**
Phải thu dài hạn	0.31	0.31	0.0%
Tài sản cố định	95.4	97.5	-2.2%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**9.30**	**9.50**	**-2.1%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	135	151	-10.7%
Nợ ngắn hạn	**134**	**150**	**-10.7%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	94.6	111	-15.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	23.9	19.0	25.8%
Nợ dài hạn	0.73	0.73	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**186**	**186**	**0.2%**
Vốn chủ sở hữu	**186**	**186**	**0.2%**
Vốn điều lệ	83.5	83.5	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)